

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM HỌC 2026-2027
(Tính đến 11g00 phút, ngày 06/10/2026)

[illegible]

STT	TÊN TRƯỜNG	Mã xã	XÃ, PHƯỜNG	Mã cấp học	CẤP	Số biên chế được giao	Tổng số hiện có	Tổng GV cần tuyển dụng	Chỉ tiêu VTVL giáo viên các môn																							
									Toán	Lý	Hóa	Sinh	KH tự nhiên	Văn	Sử	Địa	Lịch sử-Địa lý	GD CD	Tiếng Anh	Thể dục	Tin học	GD QP-AN	Công nghệ	KT NN	KT CN	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiểu học	Mầm non	TPT Đội		
22	MN Hậu Mỹ Trinh	39	xã Hậu Mỹ	00	MN	58	56	2																			2					
23	MN Long Bình	47	xã Long Bình	00	MN	41	40	1																			1					
24	THCS Lương Hòa Lạc	53	xã Lương Hòa Lạc	02	THCS	70	69	1									1															
25	TH Ngũ Hiệp	63	xã Ngũ Hiệp	01	TH	115	114	1																		1						
26	MN Tân Đông	74	xã Tân Đông	00	MN	85	84	1																			1					
27	THCS Tân Đông	74	xã Tân Đông	02	THCS	109	103	6	1					1			1	1	1						1							
28	MN Ánh Dương	76	xã Tân Hòa	00	MN	73	72	1																			1					
29	TH-THCS Nguyễn Trọng Dân	76	xã Tân Hòa	12	THCS	136	134	2						1			1															
30	TH Ấp Bắc	82	xã Tân Phú	01	TH	85	83	1																		1						
31	THCS Ấp Bắc	82	xã Tân Phú	02	THCS	81	78	3						1			1				1											
32	MN Tân Phú Đông	83	xã Tân Phú Đông	00	MN	52	50	2																			2					
33	TH-THCS Tân Phú Đông	83	xã Tân Phú Đông	12	THCS	128	126	1									1															
34	TH-THCS Tân Lập	87	xã Tân Phước 3	12	THCS	99	97	2	1					1																		
35	TH Đăng Hưng Phước	91	xã Tân Thuận Bình	01	TH	110	108	2																			2					
36	THCS Đăng Hưng Phước	91	xã Tân Thuận Bình	02	THCS	78	72	6	-					2			2	1								1						
37	TH Dương Văn Hòa	96	xã Tháp Mười	01	TH	114	112	2										2														
38	THCS Tháp Mười	96	xã Tháp Mười	02	THCS	147	145	2						1				1														
39	MN Vĩnh Bình	100	xã Vĩnh Bình	00	MN	120	118	2																			2					
			TỔNG		MN	1129	1094	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-				
					TH	904	877	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	2	1	-	-	-	-	3	3	-	-			
					THCS	1960	1907	53	3	-	-	-	-	21	-	-	14	3	4	-	-	-	1	-	-	3	3	-	1			
					CỘNG	3993	3878	95	3	0	0	0	0	21	0	0	14	3	7	2	1	0	1	0	0	3	6	3	30	1		